



MỤC LỤC

GIẢI THÍCH CÁC THUẬT NGỮ	3
CÁC TỪ VIẾT TẮT	3
DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU	4
NỘI DUNG	5
I. CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN	6
II. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN	6
III. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ	8
IV. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	8
V. ĐỊA ĐIỂM CUNG CẤP BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	9
VI. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH QUẢNG NGÃI	9
6.1 Thông tin chung	9
6.2 Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu	10
6.3 Cơ cấu tổ chức	10
6.4 Cơ cấu cổ đông	12
6.5 Chính sách đối với người lao động	12
6.6 Danh sách những công ty mẹ và công ty con	13
6.7 Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	13
VII. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIAI ĐOẠN 3 NĂM TRƯỚC KHI THỰC HIỆN BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN	14
7.1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	14
7.1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây dựng công trình Quảng Ngãi giai đoạn 2006-2008.....	14
7.1.2 Chi phí sản xuất và những yếu tố tác động.....	16
7.1.3 Trình độ công nghệ:.....	18
7.1.4 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ.....	18
7.1.5 Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	18
7.1.6 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.....	18
7.2. Tình hình tài chính	19
7.2.1 Tài sản của Doanh nghiệp.....	19
7.2.2 Tình hình công nợ.....	21



7.2.3 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Doanh nghiệp	23
VIII. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP SAU KHI THỰC HIỆN BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN	25
8.1 Mục tiêu.....	25
8.2 Cơ sở của việc xây dựng phương án	25
8.3 Các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2009	25
8.4 Biện pháp thực hiện	28
IX. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	28
9.1. Rủi ro về kinh tế	28
9.2. Rủi ro về luật pháp	29
9.3. Rủi ro đặc thù của ngành xây dựng.....	29
9.4. Rủi ro khác.....	29



GIẢI THÍCH CÁC THUẬT NGỮ

Cổ phần bán đấu giá	Là cổ phần nhà nước tại Công ty cổ phần Xây dựng công trình Quảng Ngãi do Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước SCIC đại diện nắm giữ.
Ban đấu giá	Là ban được thành lập để thực hiện bán đấu giá phần vốn của SCIC nắm giữ tại Công ty cổ phần Xây dựng công trình Quảng Ngãi, bao gồm đại diện của SCIC, Công ty cổ phần Chứng khoán Eurocapital và đại diện của Công ty cổ phần Xây dựng công trình Quảng Ngãi.
Điều lệ công ty	Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xây dựng công trình Quảng Ngãi.

CÁC TỪ VIẾT TẮT

TSCĐ	Tài sản cố định
VCSH	Vốn chủ sở hữu
Công ty	Công ty cổ phần Xây dựng công trình Quảng Ngãi
SCIC	Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước
QĐ	Quyết định
DT	Doanh thu
HDQT	Hội đồng quản trị



DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU

TT	Tên bảng	Trang
Bảng 1	Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm, dịch vụ chủ yếu năm 2008	10
Bảng 2	Cơ cấu lao động theo trình độ	12
Bảng 3	Kết quả hoạt động SXKD giai đoạn 2006-2008	14
Bảng 4	Cơ cấu chi phí và tỷ trọng so với tổng doanh thu	16
Bảng 5	Chi phí sản xuất theo yếu tố	17
Bảng 6	So sánh giá vật liệu, nhiên liệu đối với các công trình hợp đồng trong năm 2008	18
Bảng 7	Các hợp đồng lớn đã được ký kết	18
Bảng 8	Tổng hợp tình hình tài sản nguồn vốn giai đoạn 2006-2008	19
Bảng 9	Chi tiết biến động tài sản cố định	20
Bảng 10	Tình hình đầu tư máy móc thiết bị năm 2008	21
Bảng 11	Danh mục đất đai doanh nghiệp đang sử dụng:	21
Bảng 12	Tình hình các khoản phải thu giai đoạn 2006-2008	22
Bảng 13	Tình hình các khoản phải trả của Công ty giai đoạn 2006-2008	22
Bảng 14	Các chỉ tiêu tài chính cơ bản giai đoạn 2006-2008	23
Bảng 15	Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2009	25
Bảng 16	Kế hoạch triển khai hoạt động xây lắp	26
Bảng 17	Kế hoạch đầu tư máy móc thiết bị	27



NỘI DUNG

----- * -----

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

**BÁN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH
DOANH VỐN NHÀ NƯỚC**

TẠI

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH QUẢNG NGÃI



I. CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN

- Căn cứ Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26/06/2007 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Căn cứ vào Nghị định 199/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 Của Chính Phủ về Quy chế quản lý tài chính tại Công ty Nhà nước và Quản lý vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác;
- Căn cứ vào Thông tư số 146/2007/TT-BTC ngày 06/12/2007 hướng dẫn thực hiện một số vấn đề về tài chính khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ;
- Căn cứ vào Thông tư 33/2005/TT-BTC ngày 29/04/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều tại Quy chế Quản lý tài chính tại Công ty Nhà nước và Quản lý vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác;
- Căn cứ vào Thông tư 87/2006/TT-BTC ngày 27/09/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 33/2005/TT-BTC ngày 29/04/2005;
- Căn cứ vào Quyết định số 2572/ĐTKDV-ĐT3 Ngày 29/10/2009 của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) về việc bán cổ phần của SCIC tại Công ty cổ phần Xây dựng công trình Quảng Ngãi;
- Căn cứ vào Hợp đồng dịch vụ Tư vấn và tổ chức bán đấu giá cổ phần số 036/2009/HĐTV/ECC-SCIC ký ngày 24/4/2009 ký giữa SCIC và Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital và Phụ lục I đính kèm Hợp đồng tư vấn trên về việc thực hiện bán đấu giá cổ phần Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước nắm giữ tại Công ty cổ phần Xây dựng công trình Quảng Ngãi.

II. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN

- ❖ Số lượng cổ phần bán đấu giá: **9.994** cổ phần
- ❖ Loại cổ phần: cổ phần phổ thông
- ❖ Mệnh giá một cổ phần: **100.000** đồng/cổ phần
- ❖ Giá khởi điểm: 125.000 đồng/cổ phần
- ❖ Số lượng cổ phần đăng ký mua tối thiểu: 01 cổ phần
- ❖ Số lượng cổ phần đăng ký mua tối đa: 9.994 cổ phần

Trong đó:

*Tổng số lượng cổ phần nhà đầu tư nước ngoài được phép mua: **9.994** cổ phần*

- ❖ Vốn điều lệ: **3.614.500.000 VNĐ**



- ❖ Thời gian và địa điểm cung cấp bản Công bố thông tin, đăng ký tham gia đấu giá, nộp tiền đặt cọc, phát phiếu tham dự đấu giá, nhận phiếu tham dự đấu giá
 - ⇒ Thời gian, địa điểm cung cấp bản Công bố thông tin và hồ sơ đấu giá:
Từ ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Tại các địa điểm như quy định tại **Mục V** Bản công bố thông tin này)
 - ⇒ Thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá và nộp tiền đặt cọc
 - *Đăng ký tham gia đấu giá*
 - Thời gian:**
Từ ngày 17 tháng 11 năm 2009 đến ngày 20 tháng 11 năm 2009
 - Địa điểm:**
 - **Công ty cổ phần Chứng khoán Eurocapital:**
Tầng 2, Toà nhà Thành Công, 57 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
 - **Công ty cổ phần Xây dựng công trình Quảng Ngãi:**
Số 982 Quang Trung, Phường Chánh Lộ, thị xã Quảng Ngãi, Quảng Ngãi.
 - *Nộp tiền đặt cọc*
 - Thời gian:**
Từ ngày 17 tháng 11 năm 2009 đến ngày 20 tháng 11 năm 2009
 - Địa điểm:**
 - Nộp trực tiếp:
 - Công ty cổ phần Chứng khoán Eurocapital:**
Tầng 2, Toà nhà Thành Công, 57 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
 - Công ty cổ phần Xây dựng công trình Quảng Ngãi:**
Số 982 Quang Trung, Phường Chánh Lộ, thị xã Quảng Ngãi, Quảng Ngãi.
 - Chuyển khoản:
Nhà đầu tư có thể nộp tiền cọc bằng chuyển khoản cho Công ty cổ phần Chứng khoán Eurocapital theo tài khoản 12310000162668 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Quang Trung. Nội dung nộp tiền: Đặt cọc mua cổ phần của SCIC tại Công ty cổ phần Xây dựng công trình Quảng Ngãi.
- ❖ Thời gian tổ chức đấu giá: 14 giờ 00 phút Thứ Sáu ngày 27 tháng 11 năm 2009
- ❖ Địa điểm tổ chức đấu giá:
Công ty cổ phần Xây dựng công trình Quảng Ngãi
Địa chỉ: Số 982 Quang Trung, phường Chánh Lộ, thị xã Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
- ❖ Thời gian thanh toán tiền mua cổ phần được quyền mua hoặc nhận lại tiền đặt cọc theo kết quả đấu giá:



Từ thứ Hai ngày 30 tháng 11 năm 2009 đến thứ Sáu ngày 11 tháng 12 năm 2009

III. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ

Tổ chức phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH QUẢNG NGÃI

Địa chỉ: Số 982 Quang Trung, phường Chánh Lộ, thị xã Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

Điện thoại: (84) 055 3829 391- 3821 452

Fax: (84) 055 3829 164

Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Thành Công, 57 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84) 04 3 514 4444

Fax: (84) 04 3 514 8947

IV. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Tổ chức phát hành

➤ **Ông Trần Kim Mỹ** Chức vụ: Chủ tịch HĐQT – Giám đốc

➤ **Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy** Chức vụ: Kế Toán Trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế và cần thiết để người đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng của Công ty trước khi quyết định đăng ký tham gia đấu giá.

Tổ chức tư vấn

➤ **Bà Lê Thị Thu Hiền** Chức vụ: Quyền Tổng Giám đốc

Bản Công bố thông tin này do Công ty cổ phần Chứng khoán Eurocapital tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ tư vấn và tổ chức bán đấu giá cổ phần số 036/2009/HĐTV/ECC-SCIC ngày 24/4/2009 giữa Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) và Công ty cổ phần Chứng khoán Eurocapital về việc tư vấn và tổ chức bán đấu giá cổ phần. Chúng tôi đảm bảo rằng việc đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này đã được Công ty cổ phần Chứng khoán Eurocapital thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Xây dựng công trình Quảng Ngãi cung cấp.



V. ĐỊA ĐIỂM CUNG CẤP BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

Địa chỉ: Số 15A Trần Khánh Dư, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 04. 62780126
Fax: 04. 62780136
Email: contact@scic.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Thành Công, 57 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 04. 3 514 4444
Fax: 04. 3 514 8946
Email: contact@eurocapital.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH QUẢNG NGÃI

Địa chỉ: Số 982 Quang Trung, phường Chánh Lộ, thị xã Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
Điện thoại: 055. 3829 391-3821 452
Fax: 055. 3829164

VI. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH QUẢNG NGÃI

6.1 Thông tin chung

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH QUẢNG NGÃI.

Tên tiếng Anh: Quang Ngai Construction Of Project Joint Stock Company.

Địa chỉ: Số 982 Quang Trung, phường Chánh Lộ, thị xã Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Điện thoại: 055 3829 391-3821 452 fax: 055 3829 164

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Kim Mỹ - Chức vụ: Giám đốc

2. Ngành nghề kinh doanh (theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3403000042 đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 12 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 1, ngày 07 tháng 8 năm 2006) ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi
- San lấp mặt bằng
- Khai thác, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng và sản phẩm bê tông
- Xây lắp điện



- Kinh doanh địa ốc
- Dịch vụ thương mại
- Khảo sát, lập dự án
- Tư vấn, kiểm định và thí nghiệm chất lượng công trình xây dựng

6.2 Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là thi công xây lắp, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, sản phẩm bê tông và sản xuất đá các loại, trong đó doanh thu từ hoạt động xây lắp chiếm tới trên 90% tổng doanh thu.

Bảng 1: Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm, dịch vụ chủ yếu năm 2008

Chỉ tiêu	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	38,140	100%
Trong đó:		
- Doanh từ hoạt động xây lắp	35,661	93.5%
- Doanh thu từ khai thác, sản xuất đá	2,146	5.63%
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	333	0.87%

(Nguồn: Báo cáo tài chính – Công ty cổ phần Xây dựng công trình Quảng Ngãi)

6.3 Cơ cấu tổ chức

Công ty cổ phần Xây dựng công trình Quảng Ngãi hoạt động theo hình thức công ty cổ phần theo quy định của Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 19 tháng 11 năm 2005 và điều lệ Công ty. Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát.

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- Sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty
- Thông qua Báo cáo tài chính hằng năm
- Thông qua kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty
- Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần
- Thông qua mức cổ tức hàng năm



- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
- Và các vấn đề quan trọng khác theo quy định trong Điều lệ Công ty

Hội đồng quản trị

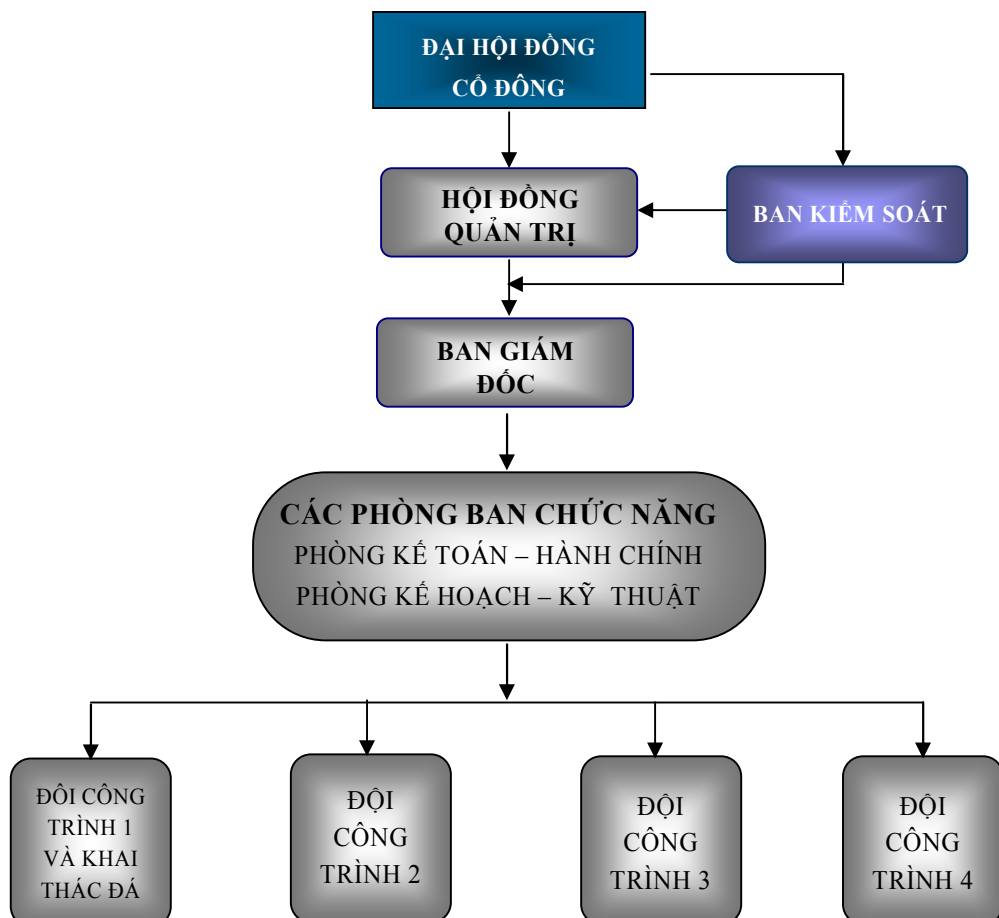
Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị công ty bao gồm 5 thành viên, nhiệm kỳ mỗi thành viên tối đa là 5 năm. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty

Ban Giám đốc

Ban giám đốc là cơ quan điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, và chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Quyền và nhiệm vụ của Ban giám đốc được quy định cụ thể trong Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY





6.4 Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2008

STT	Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ %
1	Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh nhà nước	9,994	27.6%
2	Tổ chức	0	0%
3	Cá nhân	26,151	72.4%
	- Trong nước	26,151	72.4%
	- Nước ngoài	0	0%
Tổng cộng		36,145	100,0%

6.5 Chính sách đối với người lao động

Số lượng lao động trong công ty:

Tổng số lao động trong công ty tính đến ngày 31/12/2008 là 74 người, trong đó, cơ cấu lao động theo trình độ như sau:

Bảng 2: Cơ cấu lao động theo trình độ

STT	Trình độ	Số lượng (Người)	Tỷ trọng (%)
1	Đại học	18	24
2	Cao đẳng	2	2
3	Trung cấp	12	16
4	Công nhân	41	55
Tổng số		74	100

Công ty luôn đảm bảo thực hiện đầy đủ chế độ về lương, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế cho người lao động theo quy định của pháp luật. Thu nhập bình quân mỗi lao động trong năm 2008 đạt 2.550.000 đồng/người/tháng.

Công tác thi đua khen thưởng:

Các phong trào thi đua lập thành tích chào mừng các ngày lễ lớn trong năm luôn được tổ chức thường xuyên và được toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty tích cực tham gia.

Quy chế giao khoán xây lắp, thiết bị đã cơ bản đáp ứng được mục tiêu hiệu quả, phát triển theo hướng bền vững cho Công ty, đồng thời đảm bảo được chế độ, thu nhập và đời sống của cán bộ công nhân viên.



6.6 Danh sách những công ty mẹ và công ty con (không có)

6.7 Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

➡ *Vị thế của công ty trong ngành*

Mặc dù mới cổ phần hóa từ tháng 12/2004, nhưng những kết quả đạt được và những định hướng phát triển kinh tế lâu dài, phù hợp với triển vọng phát triển của ngành đã cho thấy vị thế, cũng như những tiềm năng phát triển của Công ty trong lĩnh vực xây lắp và sản xuất vật liệu xây dựng. Dự kiến thị phần của Công ty so với các doanh nghiệp cùng ngành trên địa bàn tỉnh sẽ tăng lên đáng kể khi các dự án lớn, các công trình lớn đang triển khai, hoàn thiện và đi vào khai thác.

Tổng doanh thu của Công ty năm 2008 đạt 38.14 tỷ đồng, so với doanh thu bình quân của ngành là 11.87 tỷ đồng, thì doanh thu của Công ty gấp hơn 3 lần mức doanh thu bình quân ngành.

➡ *Triển vọng phát triển của ngành*

Ngành xây dựng là một trong những ngành công nghiệp quan trọng của nền kinh tế, quan hệ thuận chiều với sự phát triển của nền kinh tế, do sự phát triển của nền kinh tế luôn đòi hỏi song song với nó là những khoản đầu tư lớn vào cơ sở hạ tầng.

Với lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi – một lĩnh vực được Nhà nước quan tâm đầu tư, triển vọng phát triển của Công ty là rất lớn. Đặc biệt, khi nước ta vẫn đang trong quá trình đô thị hóa, việc xây dựng, nâng cấp và cải tiến hệ thống giao thông nông thôn, thủy lợi,... luôn là lĩnh vực được ưu tiên vốn đầu tư. Đặc biệt là khi mảng xây dựng công trình dân dụng, chương trình xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở cho người có thu nhập thấp của chính phủ sẽ triển khai trong thời gian tới, sẽ là cơ hội phát triển tốt cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng dân dụng.

Sau giai đoạn khủng hoảng tài chính vừa qua, kinh tế Việt Nam đang từng bước phục hồi, thúc đẩy ngành xây dựng phát triển là giải pháp tốt để kích cầu và ngăn chặn đà suy giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế. Cùng với đó là nhu cầu xây dựng dân dụng đã có những dấu hiệu tăng trưởng trở lại, do đó chính phủ sẽ triển khai đẩy mạnh rót vốn đầu tư vào các dự án cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội, phát triển đường giao thông nông thôn, đẩy nhanh tiến độ triển khai hiện thực hóa các chương trình lớn về xây dựng của Chính phủ. Những chính sách hỗ trợ lãi suất, kích cầu đầu tư làm giảm chi phí vốn cho ngành xây dựng tạo ra những điều kiện rất thuận lợi và những cơ hội tiềm năng cho sự phát triển của Công ty trong thời gian tới.

Xây dựng công nghiệp tuy có dấu hiệu chững lại trong thời gian khủng hoảng vừa qua do những dấu hiệu không khả quan của thị trường bất động sản, nhưng trong dài hạn, khi tình hình kinh tế phục hồi trở lại, gói kích cầu của Chính phủ phát huy hiệu quả, thì đây vẫn là một lĩnh vực kinh doanh tiềm năng của Công ty.



- ➔ *Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.*

Định hướng phát triển của Công ty trong thời gian tới là tiếp tục triển khai thực hiện hoàn tất những công trình đang triển khai theo đúng tiến độ, đảm bảo đáp ứng nhu cầu vốn, và giảm thiểu chi phí, đầu tư thêm máy móc thiết bị hiện đại để đáp ứng tốt hơn yêu cầu kỹ thuật ngày càng cao của các công trình xây dựng dân dụng. Đây là một định hướng phát triển hợp lý khi mà các chính sách của Nhà nước đang rất chú trọng đầu tư vốn vào lĩnh vực mà Công ty đang hoạt động.

Hướng phát triển của công ty trong việc bảo đảm và nâng cao chất lượng là hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển chung của ngành mà Nhà nước đang khuyến khích nhằm chống lại những tiêu cực trong ngành đưa đến những công trình kém chất lượng.

VII. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIAI ĐOẠN 3 NĂM TRƯỚC KHI THỰC HIỆN BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN

7.1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

7.1.1 *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Xây dựng công trình Quảng Ngãi giai đoạn 2006-2008*

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Công ty hoạt động và tuân thủ theo quy định của Luật doanh nghiệp và áp dụng theo chế độ kế toán Việt Nam, tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán của Việt Nam.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thể hiện cụ thể trong bảng tổng hợp dưới đây:

Bảng 3: Kết quả hoạt động SXKD giai đoạn 2006-2008

Đơn vị: VND

TT	CHỈ TIÊU	2006	2007	2008
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27,945,724,308	21,084,797,752	38,140,562,560
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27,945,724,308	21,084,797,752	38,140,562,560
3	Giá vốn hàng bán	25,260,821,403	18,831,115,525	35,619,079,429
4	Lợi nhuận gộp	2,684,902,905	2,253,682,227	2,521,483,131
5	Doanh thu hoạt động tài chính	46,589,315	40,865,496	129,155,961
6	Chi phí tài chính	200,109,050	338,438,682	366,612,519



	- Chi phí lãi vay	200,159,050	338,438,682	366,612,519
7	Chi phí bán hàng	-	-	-
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1,541,557,194	1,415,834,965	1,611,095,843
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	989,825,976	540,274,076	672,930,730
10	Thu nhập khác	207,801,552	194,998,094	29,064,329
11	Chi phí khác	42,091,558	29,426,603	67,791,000
12	Lợi nhuận khác	165,709,994	165,571,491	(38,726,671)
13	Lợi nhuận trước thuế	1,155,535,970	705,845,567	634,204,059
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	98,818,379	88,788,568
15	Lợi nhuận sau thuế	1,155,535,970	607,027,188	545,415,491
16	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-	-	-

(Nguồn: Báo cáo tài chính- Công ty cổ phần Xây dựng công trình Quảng Ngãi)

Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2008 tăng 24.55% so với năm 2007 và giảm 32% so với năm 2006. Tuy nhiên lợi nhuận sau thuế lại giảm so với năm 2006 và 2007 do chi phí khác gia tăng trong khi lợi nhuận khác lại giảm sút. Năm 2006 doanh nghiệp được ưu đãi thuế, không phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, nên lợi nhuận sau thuế cao hơn so với năm 2007 và 2008.

Doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2008 đạt trên 38 tỷ đồng, tăng tới 80.89% so với năm 2007 và 36.48% so với năm 2006. Doanh thu này chủ yếu là từ hoạt động xây lắp, xây dựng các công trình dân dụng. Trong năm 2008, những biến động lớn trong giá cả nguyên vật liệu đã ảnh hưởng không nhỏ tới chi phí sản xuất, dẫn tới việc doanh thu tăng cao, nhưng lợi nhuận sau thuế lại giảm sút so với 2 năm trước đó. Các công trình của Công ty thi công trong năm 2008 đều là các công trình chuyển tiếp của năm 2006 và 2007, vì vậy chênh lệch giữa chi phí thực tế thi công và giá trị được thanh toán cao, thêm vào đó, quá trình điều chỉnh giá gặp nhiều khó khăn, chỉ điều chỉnh giá được một số vật tư chính nên tuy doanh thu tăng cao, nhưng tỷ lệ sinh lời trên doanh thu lại giảm sút so với năm 2006 và 2007, năm 2008 tỷ lệ này là 1% trong khi năm 2006 tỷ lệ này là 4% và năm 2007 tỷ lệ này là 3%.



7.1.2 Chi phí sản xuất và những yếu tố tác động

Bảng 4: Cơ cấu chi phí và tỷ trọng so với tổng doanh thu

CHỈ TIÊU	2006		2007		2008	
	Giá trị (VND)	% Doanh thu	Giá trị	% Doanh thu	Giá trị (VND)	% Doanh thu
Giá vốn hàng bán	25,260,821,403	90.39	18,831,115,525	89.31	35,619,079,429	93.39
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1,541,557,194	5.52	1,415,834,965	6.71	1,611,095,843	4.22
Chi phí tài chính	200,109,050	0.72	338,438,682	1.61	366,612,519	0.96
Chi phí khác	42,091,558	0.15	29,426,603	0.14	67,791,000	0.18
Tổng	27,044,579,205	96.78	20,614,815,775	97.77	37,664,578,791	98.75

(Nguồn: Báo cáo tài chính- Công ty cổ phần Xây dựng Công trình Quảng Ngãi)

Trong năm 2008, tổng chi phí của Công ty là trên 37 tỷ đồng, chiếm tới gần 99% tổng doanh thu. Chi phí lớn đã làm giảm tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu của Công ty trong năm 2008 xuống còn 0.01 (năm 2006, tỷ suất này là 0.04 và năm 2007 là 0.03)

Giá vốn hàng bán là khoản mục chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, và chiếm khoảng 90% -93% Tổng doanh thu trong kỳ. Trong giai đoạn 2006-2008, nhờ những cải tiến trong khâu quản lý cũng như những nỗ lực cắt giảm chi phí và kiểm soát tốt các chi phí đầu vào, nên các khoản mục chi phí khác như chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp luôn duy trì ở mức ổn định và không có những biến động lớn, làm ảnh hưởng tới kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Riêng năm 2008, do tình hình kinh tế chung của đất nước gặp nhiều khó khăn cùng những tác động bất lợi của khủng hoảng tài chính thế giới, các ngân hàng thắt chặt tín dụng, nên chi phí tài chính của Công ty bị đẩy lên cao hơn so với 2 năm tài chính trước đó.

Với đặc trưng của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, thương mại, dịch vụ, chi phí nguyên vật liệu là yếu tố có tác động lớn nhất tới kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm. Dưới đây là tỷ trọng chi phí phân chia theo yếu tố:

**Bảng 5: Chi phí sản xuất theo yếu tố**

CHỈ TIÊU	2006		2007		2008	
	<i>Giá trị (VNĐ)</i>	<i>Tỷ trọng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Tỷ trọng</i>	<i>Giá trị (VNĐ)</i>	<i>Tỷ trọng</i>
Chi phí sản xuất theo yếu tố						
Chi phí nguyên vật liệu	15,185,441,871	61%	11,997,662,219	59%	26,825,441,876	68%
Chi phí nhân công	5,130,353,398	20%	4,838,636,258	24%	6,671,571,846	17%
Chi phí khấu hao TSCĐ	1,092,336,954	4%	955,398,397	5%	642,352,097	2%
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,440,565,609	10%	823,116,770	4%	3,543,579,931	9%
Chi phí bằng tiền khác	1,215,850,729	5%	1,867,467,208	9%	2,011,062,506	5%
Tổng^(*)	25,064,548,561	100%	20,482,280,852	100%	39,694,008,256	100%

(Nguồn: Báo cáo tài chính-Công ty cổ phần Xây dựng công trình Quảng Ngãi)

(*): Sự chênh lệch giữa tổng chi phí theo yếu tố và tổng chi phí theo khoản mục là do chi phí sản xuất theo yếu tố được tổng hợp theo tổng chi phí thực tế phát sinh trong kỳ, còn tổng chi phí theo khoản mục được tổng hợp theo chi phí được ghi nhận trong kỳ.

Chi phí nguyên vật liệu và chi phí nhân công là hai yếu tố chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí của công ty, đồng thời cũng là hai yếu tố biến động nhiều nhất trong giai đoạn 2006-2008.

Hiện nay, các nguồn cung cấp nguyên vật liệu chính của Công ty bao gồm:

- Đối với vật liệu là xi măng, sắt các loại, dầu, nhựa đường, Công ty có nguồn cung cấp rất ổn định.
- Đối với các vật liệu là đá, cát, sỏi...: Nguồn cung cấp các vật liệu này dựa chủ yếu và địa điểm cũng như tình hình thi công chung của công trình trên tuyến, do vậy, tính ổn định kém hơn so với các loại vật liệu như sắt, thép, xi măng.
- Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận:

Chiếm tới trên 60% tổng chi phí, giá cả nguyên vật liệu là yếu tố tác động lớn nhất đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Những nguyên vật liệu chính trong hoạt động sản xuất của Công ty như: Sắt thép, xi măng, nhựa đường, dầu diezen là những nguyên vật liệu có biên độ biến động giá rất lớn. Đặc biệt trong năm 2008, biến động của giá cả những nguyên vật liệu này là yếu tố chính làm giảm tỷ suất lợi nhuận doanh thu của Công ty so với 2 năm trước, cụ thể:

**Bảng 6: So sánh giá vật liệu, nhiên liệu đối với các công trình hợp đồng trong năm 2008**

Tên vật tư	Đơn vị	Giá dự thầu (Quý I+II/2007)	Giá thời điểm (Quý I+II/2008)	Chênh lệch	Tăng giá (%)
Sắt thép	Tấn	9,300,000	18,700,000	9,400,000	101
Xi măng	Tấn	840,000	1,150,000	310,000	37
Nhựa đường	Tấn	8,400,000	12,500,000	4,100,000	49
Dầu Diesel	Lít	8,700	15,950	7,250	83

(Nguồn: Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2008 và phương án sản xuất kinh doanh năm 2009- Công ty cổ phần Xây dựng công trình Quảng Ngãi)

Tình hình lạm phát trong năm 2008 khiến giá nhân công tăng, lãi suất ngân hàng tăng cao trong năm 2008 (21%/năm so với mức 10.5%/năm) làm gia tăng chi phí nhân công và chi phí tài chính của Công ty. Tình hình nợ đọng của các công trình đang thi công cũng trở nên nặng nề hơn khi lãi suất ngân hàng tăng đột biến kèm theo là áp lực về vốn thi công để đảm bảo đúng tiến độ hợp đồng cũng tác động làm gia tăng chi phí tài chính.

Tuy nhiên một số công trình mới ký hợp đồng tiền tạm ứng lớn (20-60%) nên đã giảm một phần áp lực về chi phí tài chính do lãi suất ngân hàng tăng đột biến, và đảm bảo yêu cầu về vốn theo tiến độ hợp đồng.

7.1.3 Trình độ công nghệ

Hiện tại, công ty đang sử dụng các máy móc thiết bị phần lớn được sản xuất từ những năm 1980, nên cũ kỹ, lạc hậu, không đồng bộ, chi phí sửa chữa cao. Tuy nhiên, trong năm 2009, tình hình này sẽ được cải thiện đáng kể do Công ty triển khai kế hoạch mua sắm máy móc, trang thiết bị thay thế những thiết bị đã cũ, không còn phù hợp.

7.1.4 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Công ty chưa thành lập hẳn một bộ phận chuyên trách về kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ. Trong thời gian 2006-2008, Công ty phải thuê các đơn vị kiểm định và thí nghiệm bên ngoài, nên chi phí cao.

7.1.5 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền (không có)

7.1.6 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 7: Các hợp đồng lớn đã được ký kết

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên công trình	Giá trị hợp đồng	Kế hoạch 2009
1	Đường Sơn Nham – Sơn Linh	4,058	4,058



2	Đường Trường Sơn Đông	13,122	2,400
3	Đoạn cuối Trì Bình – Dung Quất	17,517	3,000
4	Gói 9: Trà My – Trà Bồng – Bình Long	14,385	13,302
5	Gói 8: Trà My – Trà Bồng – Bình Long	9,422	9,422

(Nguồn: Công văn cung cấp thông tin – Công ty cổ phần Xây dựng công trình Quảng Ngãi)

7.2 Tình hình tài chính

7.2.1 Tài sản của Doanh nghiệp

Bảng 8: Tổng hợp tình hình tài sản nguồn vốn giai đoạn 2006-2008

Đơn vị tính: VNĐ

TT	CHỈ TIÊU	2006	2007	2008
A	Tài sản ngắn hạn	15,577,493,683	19,645,178,954	28,358,249,077
<i>I</i>	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>1,145,423,925</i>	<i>1,706,000,151</i>	<i>7,256,372,564</i>
<i>II</i>	<i>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	-	-	-
<i>III</i>	<i>Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>13,175,862,207</i>	<i>11,718,775,570</i>	<i>11,995,113,367</i>
<i>IV</i>	<i>Hàng tồn kho</i>	<i>1,135,667,767</i>	<i>6,115,736,749</i>	<i>8,954,131,436</i>
<i>V</i>	<i>Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>120,539,784</i>	<i>104,666,484</i>	<i>152,631,710</i>
B	Tài sản dài hạn	3,574,728,625	2,590,176,640	4,436,094,857
<i>I</i>	<i>Các khoản phải thu dài hạn</i>	-	-	-
<i>II</i>	<i>Tài sản cố định</i>	<i>3,406,843,288</i>	<i>2,448,427,525</i>	<i>3,955,513,741</i>
1	Tài sản cố định hữu hình	3,406,843,288	2,432,294,378	3,123,666,045
2	Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
3	Tài sản cố định vô hình	-	-	-
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	16,133,147	831,847,696
<i>III</i>	<i>Bất động sản đầu tư</i>	-	-	-
<i>IV</i>	<i>Các khoản đầu tư dài hạn</i>	<i>2,700,000</i>	<i>2,700,000</i>	<i>2,100,000</i>
<i>V</i>	<i>Tài sản dài hạn khác</i>	<i>165,185,337</i>	<i>139,049,115</i>	<i>478,481,116</i>



TỔNG TÀI SẢN		19,152,222,308	22,235,355,594	32,794,343,934
A	Nợ phải trả	14,159,684,971	17,297,271,609	27,909,332,821
I	Nợ ngắn hạn	13,687,068,971	17,062,526,400	27,059,504,068
II	Nợ dài hạn	472,616,000	234,745,209	849,828,753
B	Vốn chủ sở hữu	4,992,537,337	4,938,083,985	4,885,011,113
I	Vốn chủ sở hữu	5,007,183,101	4,880,910,824	4,947,244,980
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	(14,645,764)	57,173,161	(62,233,867)
TỔNG NGUỒN VỐN		19,152,222,308	22,235,355,594	32,794,343,934

(Nguồn: Báo cáo tài chính – Công ty cổ phần Xây dựng công trình Quảng Ngãi)

Tổng vốn điều lệ của công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3403000042 đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 12 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 1, ngày 07 tháng 8 năm 2006 là **3.614.500.000 VNĐ**.

Tổng tài sản của Công ty tăng đều qua các năm với tốc độ tăng trưởng ổn định từ 30-30%/năm. Trong đó, tài sản ngắn hạn vẫn chiếm một tỷ trọng lớn, năm 2008, tỷ lệ này là 86.47% năm 2007 tỷ lệ này là 88.35% và năm 2006 tỷ lệ này là 81.33%.

Dưới đây là chi tiết những biến động các khoản mục tài sản chủ yếu của Công ty:

➡ Tài sản cố định

* Tài sản cố định hữu hình

Bảng 9: Chi tiết biến động tài sản cố định

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2006			2007			2008		
		NG	HMLK	GTCL	NG	HMLK	GTCL	NG	HMLK	GTCL
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	825	526	299	825	548	277	825	570	255
2	Máy móc, thiết bị	7,692	5,172	2,520	7,321	5,585	1,736	8,723	6,097	2,626
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	1,493	1,242	251	1,493	1,358	135	1,493	1,409	84
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	401	65	336	402	118	284	316	158	158



5	TSCĐ hữu hình khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng		10,411	7,005	3,406	10,041	7,609	2,432	11,357	8,234	3,123

Trong năm 2008, Công ty đã chú trọng đầu tư cải tiến máy móc thiết bị và mua bổ sung thêm một số máy móc thiết bị mới nhằm nâng cao năng suất và đảm bảo tiến độ thi công các công trình, thanh lý những máy móc cũ, giảm áp lực về vốn cho Công ty.

Các máy móc thiết bị được đầu tư mới trong năm 2008:

Bảng 10: Tình hình đầu tư máy móc thiết bị năm 2008

TT	Tên máy móc thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Giá trị (VNĐ)
1	Máy biến áp	Cái	01	82,615,632
2	Máy san	Máy	01	137,085,528
3	Máy đào Kobelco 1.25m ³	Máy	01	1,181,813,604
4	Máy xay đá	T.Gói	01	843,523,810
	Tổng			2,245,038,574

(Nguồn: Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2008 và phương án sản xuất kinh doanh năm 2009- Công ty cổ phần Xây dựng công trình Quảng Ngãi)

➡ **Tình hình đất đai doanh nghiệp đang sử dụng**

Bảng 11: Danh mục đất đai doanh nghiệp đang sử dụng:

TT	Tên lô đất	Thời hạn sử dụng	Diện tích (m ²)	Hợp đồng thuê đất/giao đất	Mục đích sử dụng & tình trạng
1	982 Quang Trung	20 năm (1996-2016)	2,870	Thuê	Văn phòng Công ty, hiện thuộc diện giải tỏa
2	Phường Nghĩa Chánh, Quảng Ngãi	16 năm (1999 – 2016)	4,000	Thuê	Xưởng cơ khí, kho tàng vật tư
Tổng diện tích đất đai doanh nghiệp đang sử dụng (m²)				6,870	

(Nguồn: Công ty cổ phần Xây dựng công trình Quảng Ngãi)

7.2.2 *Tình hình công nợ*

➡ **Các khoản phải thu:**

**Bảng 12 Tình hình các khoản phải thu giai đoạn 2006-2008**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2006	Năm 2007	% thay đổi	Năm 2008	% thay đổi
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	13,175	11,719	-11.05%	11,995	2.36%
1	Phải thu khách hàng	10,944	8,059	-26.36%	8,479	5.21%
2	Trả trước cho người bán	1,644	3,109	89.11%	3,001	-3.47%
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	12	50	316.67%	17	-66.00%
4	Phải thu theo tiến độ Hợp đồng xây dựng	-	-		-	
5	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	575	501	-12.87%	498	-0.60%
II	Các khoản phải thu dài hạn	-	-		-	
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-		-	
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	-	-		-	
3	Phải thu dài hạn nội bộ	-	-		-	
4	Phải thu dài hạn khác	-	-		-	
	Tổng	13,175	11,719	-11.05%	11,995	2.36%

(Nguồn: Báo cáo tài chính Công ty cổ phần Xây dựng công trình Quảng Ngãi)

Tổng giá trị các khoản phải thu của công ty giảm dần trong giai đoạn 2006-2008, trong đó phải thu khách hàng là khoản phải thu chiếm tỷ trọng lớn, Công ty không có các khoản phải thu dài hạn. Doanh thu của Công ty năm 2008 là 38 tỷ, trong khi đó tổng giá trị các khoản phải thu là gần 12 tỷ, chiếm 31.37%. Một trong những nguyên nhân của việc giá trị các khoản phải thu lớn là do tính chất của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, các hợp đồng được ký kết.

➔ Các khoản phải trả

Bảng 13: Tình hình các khoản phải trả của Công ty giai đoạn 2006-2008

Đơn vị: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2006	Năm 2007	% thay đổi	Năm 2008	% thay đổi
I	Nợ ngắn hạn	13,687	17,063	24.67%	27,062	58.60%
1	Vay và nợ ngắn hạn	3,991	5,828	46.03%	1,345	-76.92%



2	Phải trả người bán	6,491	6,831	5.24%	7,117	4.19%
3	Người mua trả tiền trước	948	2,569	170.99%	16,235	531.96%
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	952	246	-74.16%	556	126.02%
5	Phải trả người lao động	-	-		-	
6	Chi phí phải trả	-	-		-	
7	Phải trả nội bộ	-	-		-	
8	Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	-	-		-	
9	các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1,305	1,589	21.76%	1,809	13.85%
II	Nợ dài hạn	473	675	42.71%	850	25.93%
1	Phải trả dài hạn người bán	-	-		-	
2	Phải trả dài hạn nội bộ	-	-		-	
3	Phải trả dài hạn khác	-	-		-	
4	Vay và nợ dài hạn	473	186	-60.68%	789	324.19%
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-		-	
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	489	-	61	-87.53%
	Tổng	14,160	17,738	67.37%	27,912	84.53%

(Nguồn: Báo cáo tài chính Công ty cổ phần Xây dựng công trình Quảng Ngãi)

7.2.3 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Doanh nghiệp

Bảng 14: Các chỉ tiêu tài chính cơ bản giai đoạn 2006-2008

TT	Chỉ tiêu	Công thức tính	2006	2007	2008
I	Chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán				
1	Khả năng thanh toán ngắn hạn	Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn	1.14	1.15	1.05
2	Khả năng thanh toán hiện hành	(Tài sản lưu động-HTK)/Nợ ngắn hạn	1.06	0.79	0.72
3	Khả năng thanh toán nhanh	Tiền mặt/Nợ ngắn hạn	0.08	0.10	0.27



II Chỉ tiêu phản ánh cơ cấu vốn					
1	Hệ số nợ	Nợ phải trả/Tổng Tài sản	0.74	0.70	0.85
2	Cơ cấu vốn	Nợ phải trả/Tổng VCSH	2.84	3.50	5.71
3	Tỷ lệ tài trợ bằng VCSH	Vốn chủ sở hữu/Tổng Tài sản	0.26	0.20	0.15
III Chỉ tiêu phản ánh khả năng hoạt động					
1	Vòng quay hàng tồn kho	Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	22.24	3.08	3.98
2	Vòng quay vốn lưu động	Phải thu/Vốn lưu động bình quân	0.85	0.60	0.42
3	Hiệu suất sử dụng Tổng tài sản	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1.46	0.85	1.16
IV Các chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời					
1	Tỷ suất lợi nhuận doanh thu	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.04	0.03	0.01
2	ROA	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	6%	2%	2%
3	ROE	Lợi nhuận sau thuế/Tổng vốn chủ sở hữu	23%	12%	11%

(Nguồn: Báo cáo tài chính Công ty cổ phần Xây dựng công trình Quảng Ngãi)

Các chỉ tiêu khả năng thanh toán của Công ty đều ở mức khá, tuy nhiên, cơ cấu vốn của Công ty giai đoạn 2006-2008 có sự mất cân đối do sử dụng nhiều nợ vay, tổng nợ phải trả của Công ty duy trì ở mức cao, chiếm tới trên 70% tổng tài sản hiện có. Tuy nhiên, đây cũng là một đặc điểm chung của hầu hết các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng.

Tỷ suất lợi nhuận doanh thu trong giai đoạn 2006-2008 của công ty giảm dần, nguyên nhân chính của sự sụt giảm này là do tốc độ tăng trưởng của doanh thu không theo kịp tốc độ tăng của chi phí. Đặc biệt là năm 2008, tỷ suất lợi nhuận doanh thu giảm xuống còn ở mức 0.01 so với mức 0.04 của năm 2006, trong khi doanh thu của năm 2008 là trên 38 tỷ đồng, và doanh thu năm 2006 chỉ đạt 27 tỷ đồng. Sự gia tăng trong chi phí nguyên vật liệu đầu vào như sắt, thép, xăng dầu đã đẩy chi phí sản xuất kinh doanh năm 2008 tăng cao, trong khi việc điều chỉnh giá lại gặp rất nhiều khó khăn và mất thời gian. Thêm vào đó, là khủng hoảng tài chính trong năm 2008 khiến các ngân hàng duy trì chính sách thắt chặt tín dụng, làm chi phí lãi vay tăng đột biến và giảm khả năng sinh lời của Công ty.



VIII. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP SAU KHI THỰC HIỆN BÁN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN

8.1 Mục tiêu

- Đảm bảo việc làm, thu nhập và nâng cao đời sống của cán bộ công nhân viên, người lao động trong Công ty
- Đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Ngân sách nhà nước
- Tăng doanh thu, lợi nhuận và cổ tức cho các cổ đông.

8.2 Cơ sở của việc xây dựng phương án

- Tổ chức bộ máy Công ty đã cơ bản ổn định, số lao động đang làm việc tại Công ty có trình độ chuyên môn, và gắn bó với công việc và doanh nghiệp
- Các công trình chuyển tiếp từ năm 2008 đã đảm bảo việc làm năm 2009 cho cán bộ công nhân viên, năng lực thi công của Công ty đã được các chủ đầu tư đánh giá khá cao. Tạo được một số ưu thế cạnh tranh đối với những dự án Cầu BTCT, dự ứng lực, đóng cọc BTCT, thảm BTN mặt đường...
- Tình hình điều chỉnh giá các công trình thi công trong năm 2008 và quyết định phê duyệt tổng dự toán điều chỉnh bổ sung của các cơ quan có thẩm quyền.
- Một số giải pháp kích cầu của Chính phủ hướng tới việc thúc đẩy đầu tư cơ sở hạ tầng, tạo cơ hội tốt cho Công ty tìm kiếm dựa ns và cơ hội đầu tư, đồng thời giải quyết những khó khăn về vốn, lãi suất, thuế, Đặc biệt, chính sách cấp bù lãi suất 4% năm cho các khoản vay ngắn, trung và dài hạn là cơ hội cho Công ty đầu tư thêm máy móc thiết bị, đổi mới công nghệ, tăng năng lực cạnh tranh.

8.3 Các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2009

Căn cứ tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2008, trên cơ sở phân tích những điều kiện thuận lợi của nền kinh tế trong năm 2009, Công ty đã đưa ra những chỉ tiêu kế hoạch cho năm 2009 đảm bảo tính khả thi cao nhất, đồng thời là mục tiêu phấn đấu cho toàn công ty trong quá trình triển khai kế hoạch kinh doanh những năm tiếp theo.

Bảng 15: Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2009

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2009
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	48,391
	- Sản xuất kinh doanh đá	Triệu đồng	2,727



	- Xây lắp và doanh thu từ hoạt động khác	Triệu đồng	45,664
2	Lợi nhuận	Triệu đồng	1,200-1,400
3	Trích lập các quỹ		
	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	%	5
	Quỹ đầu tư phát triển	%	5
	Quỹ khen thưởng phúc lợi	%	20-25
4	Thu nhập bình quân	Đồng/người/tháng	2,650,000
5	Vốn điều lệ	Triệu đồng	3,614.5
6	Cổ tức	%	15-17

(Nguồn: Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2008 và phương án sản xuất kinh doanh năm 2009- Công ty Cổ phần Xây dựng công trình Quảng Ngãi)

Bảng 16: Kế hoạch triển khai hoạt động xây lắp

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Hạng mục-Công trình	Giá trị hợp đồng	Thực hiện đến 31/12/2008	Kế hoạch 2009	Tỷ lệ hoàn thành HD (%)
A	Công trình chuyển tiếp				
1	Đường Phan Bội Châu-Thành phố Quảng Ngãi	5,126	4,755	371	100
2	Đường Di Lăng-Trà Trung	12,277	10,553	1,724	100
3	Khu tái định cư Gò Xoài II-Tp.Quảng Ngãi	3,970	3,703	267	100
4	Gói thầu số 3-tuyến Hàng Gia-Vĩnh Tuy	3,400	1,335	2,065	100
5	San nền lô 23-KCN Quảng Phú	1,376	1,347	389	100
6	Cầu Phong Niên, Sơn Tịnh	2,035	1,751	302	100
7	Trung tâm huyện lỵ Mộ Đức	8,433	2,291	1,600	46
8	Gói thầu 2B-Đường Bờ Đông-Sông Kinh	2,234	-	1,660	74.31
9	Gói thầu 12-đoạn Bình Long-Cảng DQ (Giai đoạn 1)	1,903	-	1,903	100
10	Gói thầu số 3-Đường Bàu Giang-Cầu Mới	3,517	2,533	984	100



11	Trung tâm sát hạch lái xe Tỉnh Quảng Ngãi	3,056	995	2,061	100
12	Gói thầu số 03-Dự án Khu di tích Đặng Thùy Trâm	4,596	892	3,704	100
13	Gói thầu 09-Dự án Trà My-Trà Bồng-Bình Long	14,385	1,083	13,302	100
14	Gói thầu 08-Dự án Trà My-Trà Bồng-Bình Long	9,442	-	9,422	100
15	Gói thầu số 14-Đoạn Bình Long-Cảng DQ (Giai đoạn 1)	6,198	3,782	1,018	77.44
B	Công trình làm mới				
1	Gói thầu số 5, đường Sơn Nham-Sơn Linh	4,058	-	4,058	100
2	Đường Đông Trường Sơn và Công trình khác	30,000	-	5,400	18
C	Sản xuất đá các loại	3,000		3,000	100
	Tổng Giá trị xây lắp và sản xuất đá (A+B+C)	119391	35,020	53,230	

(Nguồn: Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2008 và phương án sản xuất kinh doanh năm 2009- Công ty cổ phần Xây dựng công trình Quảng Ngãi)

Trong năm 2009, để cải thiện nguồn lực phục vụ sản xuất kinh doanh, đặc biệt là về thiết bị, thay thế những thiết bị đã cũ kỹ, lạc hậu, không đồng bộ, ảnh hưởng không tốt đến tiến độ, chất lượng và hiệu quả công việc, Công ty sẽ chủ động đầu tư, mua sắm máy móc thiết bị mới trong năm 2009 để nâng cao chất lượng và hiệu quả cho các công trình, đảm bảo yêu cầu về tiến độ.

Bảng 17: Kế hoạch đầu tư máy móc thiết bị

TT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Tình trạng	Kinh phí ước tính (triệu đồng)
1	Lu rung 32 tấn	01	Đã qua sử dụng	790-850
2	Xe con	01	Mới	800
3	Cụm máy khoan, máy nén khí và máy điện	01 cụm	Mới	640
4	Trạm trộn bê tông nhựa nóng công suất 60-70 T/h + 01 Máy rải bê tông nhựa	01	Mới	3,800

(Nguồn: Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2008 và phương án sản xuất kinh doanh năm 2009- Công ty cổ phần Xây dựng công trình Quảng Ngãi)



8.4 Biện pháp thực hiện

Trong năm 2009, ngành nghề kinh doanh ưu tiên của công ty vẫn là Xây lắp, giao thông và SXKD vật liệu đá xây dựng. Với những chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra, Công ty thực hiện những biện pháp sau:

- Tập trung vào khu kinh tế Dung Quất và đường ven biển Dung Quất – Sa Huỳnh cùng các dự án do ngành Giao thông vận tải đầu tư.
- Phối hợp với các Chủ đầu tư và tư vấn để lập dự toán, điều chỉnh các công trình theo quy định tại Thông tư 03 và Thông tư 09 của bộ Xây dựng và văn bản 1500/UBND-CNXD của UBND tỉnh. Đây là nhiệm vụ quan trọng quyết định đến kế hoạch kinh doanh trong năm 2009 cũng như những năm tiếp theo.
- Tranh thủ sự giúp đỡ của UBND tỉnh, các Sở, Ban, Ngành và địa phương trong việc hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm việc làm, bố trí thanh toán vốn xây lắp, đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao khả năng cạnh tranh.
- Xây dựng và hoàn thiện bộ máy quản lý, điều hành. Thực hiện kế hoạch tuyển dụng bổ sung, tăng đầu mỗi tổ chức thực hiện công việc, sử dụng thầu phụ phù hợp và đúng quy định pháp luật.
- Xây dựng, ban hành Quy chế giao khoán xây lắp, giao khoán xe máy thiết bị, chế biến khai thác đá. Khai thác xe máy thiết bị bằng nhiều hình thức như thu theo khối lượng thi công, theo tháng, theo ca...
- Phát huy tính lưu động của trạm nghiền sản đá bằng cách khai thác, nghiền sản tại nơi có công trình, phụ vụ trực tiếp cho công ty và một phần nhu cầu của khách hàng trong vùng lân cận.

IX. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

9.1 Rủi ro về kinh tế

Lĩnh vực đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đặc biệt là hoạt động xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những biến động của hoạt động đầu tư. Khi môi trường đầu tư thuận lợi: nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao, chính sách pháp luật thông thoáng, xã hội ổn định, nguồn vốn đầu tư cho phát triển đất nước được duy trì v.v... nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước tăng mạnh sẽ là những yếu tố kích thích nhu cầu về cơ sở hạ tầng, đầu tư phát triển tăng lên, từ đó tác động tích cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, khi nền kinh tế phát triển ổn định, các chính sách đầu tư và định hướng phát triển của đất nước về lĩnh vực cơ sở hạ tầng, xây dựng các công trình dân dụng ... là những yếu tố có tác động trực tiếp và mạnh mẽ đến cơ hội đầu tư cũng như kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, khi nền kinh tế đang trong giai đoạn suy thoái, tốc độ tăng trưởng giảm, tổng nguồn vốn đầu tư cho nền kinh tế giảm sút, khi đó, nguồn vốn nhà nước



dành cho việc đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi ở nông thôn trở nên khan hiếm, khi đó, việc thực hiện các chủ chương chính sách bị tạm hoãn, điều này sẽ ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động của Công ty.

9.2 Rủi ro về luật pháp

Hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp của Luật Doanh nghiệp, Luật Xây dựng, Luật đầu tư trong nước, nước ngoài, Luật đất đai, các quy định liên quan đến đất đai, môi trường, Luật thương mại, v.v...

Ngoài ra, trong từng thời kỳ khác nhau, các chính sách của Nhà nước, của địa phương nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính về lĩnh vực đất đai, bất động sản, v.v... vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, bổ sung, sửa đổi cho phù hợp. Những thay đổi này sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động của Công ty, đặc biệt là ảnh hưởng tới nguồn cung ứng các yếu tố đầu vào của Công ty.

9.3 Rủi ro đặc thù của ngành xây dựng

Rủi ro về giá đền bù giải phóng mặt bằng: do hoạt động trong lĩnh vực xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, trong đó, xây dựng dân dụng, công nghiệp và giao thông là những mảng hoạt động chính, nên việc giải phóng mặt bằng nhanh hay chậm, chi phí giải phóng mặt bằng có ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Những biến động về giá đền bù giải phóng mặt bằng sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới chi phí đầu tư của các dự án mà Công ty triển khai, do đó, tác động trực tiếp đến doanh thu, lợi nhuận của Công ty.

Giá cả các nguyên vật liệu đầu vào như sắt thép, xi măng biến động thường xuyên, trong khi việc điều chỉnh giá trong Hợp đồng lại rất mất thời gian và tỷ lệ điều chỉnh không cao, do vậy, khi giá các loại nguyên vật liệu đầu vào tăng lên quá cao, lợi nhuận của Công ty sẽ giảm sút đáng kể.

Lĩnh vực xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng, kinh doanh Bất động sản, v.v... sẽ chịu áp lực cạnh tranh lớn từ phía các tổ chức có tiềm năng lớn về tài chính, công nghệ và nhân lực. Đây là những đối thủ cạnh tranh trực tiếp của Công ty.

9.4 Rủi ro khác

Với đặc trưng của ngành Xây dựng chịu tác động rất lớn của yếu tố khí hậu, và địa bàn triển khai, nên các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lụt, ... Các yếu tố khí hậu trên biến đổi, sẽ tác động trực tiếp tới tiến độ thi công, hoặc gây thiệt hại (phá hủy một phần hoặc hoàn toàn), do đó ảnh hưởng tới kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



Hà nội, Ngày Tháng Năm 2009

ĐẠI DIỆN
CÔNG TY CP XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
QUẢNG NGÃI
GIÁM ĐỐC KẾ TOÁN TRƯỞNG

ĐẠI DIỆN
CÔNG TY CP CHỨNG
KHOÁN EUROCAPITAL
Q. TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN KIM MỸ NGUYỄN THỊ THANH THỦY

LÊ THỊ THU HIỀN